

Số: **258**/QĐ-BTCCT

Bắc Giang, ngày **31** tháng 10 năm 2013

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Tiêu chí đánh giá mô hình, sản phẩm tham dự chung khảo Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng tỉnh lần thứ IX năm 2013**

### **TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC CUỘC THI**

Căn cứ Công văn số 434/UBND-KT ngày 09/3/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc giao Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh tổ chức Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-LHH ngày 13/3/2013 của Chủ tịch Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh về việc thành lập Ban tổ chức Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng tỉnh lần thứ IX năm 2013;

Căn cứ Thể lệ Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng tỉnh lần thứ IX năm 2013 ban hành kèm theo Quyết định số 85/QĐ-BTCCT ngày 26/3/2013 của Trưởng Ban tổ chức Cuộc thi;

Xét đề nghị của Trưởng ban Giám khảo Cuộc thi;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí đánh giá mô hình, sản phẩm tham dự chung khảo Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng tỉnh lần thứ IX năm 2013.

**Điều 2.** Tiêu chí đánh giá là cơ sở để Ban Giám khảo chấm điểm các mô hình, sản phẩm dự thi.

**Điều 3.** Thành viên Ban tổ chức, Ban Giám khảo Cuộc thi căn cứ Quyết định thi hành./.

#### **Nơi nhận**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, BTCCT.

**TM. BAN TỔ CHỨC CUỘC THI**  
**TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Văn Thi**  
**CHỦ TỊCH LIÊN HIỆP HỘI**

## QUI ĐỊNH

**Tiêu chí đánh giá mô hình, sản phẩm tham dự Cuộc thi  
sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng tỉnh lần thứ IX năm 2013**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **257** /QĐ-BTCCT ngày **31** /10 / 2013  
của Trường ban tổ chức Cuộc thi)

### 1. Các tiêu chí và điểm đánh giá:

| Mục        | Nội dung tiêu chí đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                          | Điểm tối đa |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| <b>I</b>   | <b>Có tính mới, tính sáng tạo và khả năng áp dụng</b>                                                                                                                                                                                                                               | <b>60</b>   |
| 1.1        | <i>Ý tưởng và tính sáng tạo của mô hình, sản phẩm</i><br>Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của đời sống và học tập. Mô hình, sản phẩm thể hiện ý tưởng hoặc cải tiến những thứ đã có nhằm phục vụ tốt hơn đời sống sản xuất và học tập.                                                | 30          |
| 1.2        | <i>Tính mới của mô hình, sản phẩm</i><br>Mô hình, sản phẩm lần đầu tiên công bố (không trùng với mô hình, sản phẩm đã biết trong bất kỳ nguồn thông tin nào ở tỉnh trước ngày nhận hồ sơ), đạt tính sáng tạo của lứa tuổi và chưa từng được nhận các giải thưởng Cuộc thi của tỉnh. | 15          |
| 1.3        | <i>Khả năng áp dụng và ý nghĩa kinh tế xã hội</i><br>Mô hình, sản phẩm có khả năng áp dụng rộng rãi trên địa bàn tỉnh, mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường.                                                                                                             | 15          |
| <b>II</b>  | <b>Sử dụng hợp lý nguyên vật liệu</b>                                                                                                                                                                                                                                               | <b>20</b>   |
| 2.1        | <i>Tận dụng các phế liệu, phế thải</i><br>Mô hình, sản phẩm được tận dụng các phế liệu, phế thải có sẵn để hoàn thiện mô hình, sản phẩm.                                                                                                                                            | 12          |
| 2.2        | <i>Sử dụng các nguyên vật liệu sẵn có, hợp lý</i><br>Sử dụng các nguyên vật liệu sẵn có tại gia đình, địa phương hạn chế tối đa mua sắm, đầu tư kinh phí.                                                                                                                           | 8           |
| <b>III</b> | <b>Tính thẩm mỹ, khoa học của mô hình, sản phẩm</b>                                                                                                                                                                                                                                 | <b>15</b>   |
| 3.1        | <i>Giá trị thẩm mỹ của sản phẩm, mô hình</i><br>Sản phẩm, mô hình có tính thẩm mỹ cao, phù hợp nội dung thuyết minh.                                                                                                                                                                | 5           |
| 3.2        | <i>Ý nghĩa kỹ thuật của sản phẩm, mô hình</i><br>Thể hiện các đặc tính kỹ thuật cao, có tính phức tạp về công nghệ, kỹ thuật.                                                                                                                                                       | 5           |
| 3.3        | <i>Tính khoa học của bản thuyết minh</i><br>Thuyết minh rõ ràng, bộc lộ rõ đặc tính của sản phẩm, nêu rõ ý tưởng sáng tạo, cách sử dụng vận hành sản phẩm.                                                                                                                          | 5           |

|           |                                                                                                                                                                                                                               |                 |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| <b>IV</b> | <b>Ưu tiên đối với tác giả, nhóm tác giả là người dân tộc thiểu số, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn</b><br>Tác giả là người thiểu số, người khuyết tật, người có hoàn cảnh khó khăn; thể hiện nỗ lực cao nhất để dự thi. | <b>5</b>        |
|           | <b>Tổng số</b>                                                                                                                                                                                                                | <b>95 + (5)</b> |

## **2. Thang điểm mô hình, sản phẩm và xét giải thưởng:**

2.1. Tổng điểm tối đa cho một mô hình, sản phẩm là 95 điểm:

- Giải nhất: Mô hình, sản phẩm sáng tạo đạt từ 85 - 95 điểm;
- Giải nhì: Mô hình, sản phẩm đạt từ 75 - 84 điểm;
- Giải ba: Mô hình, sản phẩm đạt từ 65 - 74 điểm;
- Giải khuyến khích: Mô hình, sản phẩm đạt từ 50 - 64 điểm.

2.2. Trường hợp có nhiều mô hình, sản phẩm đủ điểm của khung giải thì chọn mô hình, sản phẩm điểm từ cao xuống thấp, còn lại chuyển xuống giải thấp hơn.

2.3. Trường hợp có nhiều mô hình, sản phẩm có cùng số điểm trong khung giải thưởng thì ưu tiên mô hình, sản phẩm có điểm tại Mục 1.1 cao hơn./.

**PHIẾU CHẤM ĐIỂM**  
**ĐÁNH GIÁ MÔ HÌNH, SẢN PHẨM DỰ THI**

**Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng tỉnh lần thứ IX, năm 2013**

Họ và tên giám khảo: .....

Tên mô hình, sản phẩm dự thi: .....

| Mục        | Nội dung tiêu chí đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                   | Điểm tối đa | Điểm do GK chấm |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------|
| <b>I</b>   | <b>Có tính mới, tính sáng tạo và khả năng áp dụng</b>                                                                                                                                                                                                                                        | <b>60</b>   |                 |
| 1.1        | <i>Ý tưởng và tính sáng tạo của mô hình, sản phẩm</i><br>Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của đời sống và học tập. Mô hình, sản phẩm thể hiện ý tưởng hoặc cải tiến những thứ đã có nhằm phục vụ tốt hơn đời sống sản xuất và học tập.                                                         | 30          |                 |
| 1.2        | <i>Tính mới của mô hình, giải pháp</i><br>Mô hình, sản phẩm lần đầu tiên công bố (không trùng với giải pháp đã biết trong bất kỳ nguồn thông tin nào ở tỉnh trước ngày nhận hồ sơ), đạt tính sáng tạo của lứa tuổi và chưa từng được nhận các giải thưởng khác đã được tổ chức ở trong tỉnh. | 15          |                 |
| 1.3        | <i>Khả năng áp dụng và ý nghĩa kinh tế xã hội</i><br>Mô hình, sản phẩm có khả năng áp dụng rộng rãi trên địa bàn tỉnh, mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường                                                                                                                       | 15          |                 |
| <b>II</b>  | <b>Sử dụng hợp lý nguyên vật liệu</b>                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>20</b>   |                 |
| 2.1        | <i>Tận dụng các phế liệu, phế thải</i><br>Mô hình, sản phẩm tận dụng các phế liệu, phế thải có sẵn để hoàn thiện mô hình, sản phẩm                                                                                                                                                           | 12          |                 |
| 2.2        | <i>Sử dụng các nguyên vật liệu sẵn có, hợp lý</i><br>Sử dụng các nguyên vật liệu sẵn có tại gia đình, địa phương, hạn chế tối đa mua sắm, đầu tư kinh phí.                                                                                                                                   | 8           |                 |
| <b>III</b> | <b>Tính thẩm mỹ, khoa học của giải pháp, sản phẩm</b>                                                                                                                                                                                                                                        | <b>15</b>   |                 |
| 3.1        | <i>Giá trị thẩm mỹ của sản phẩm, mô hình</i><br>Sản phẩm, mô hình có tính thẩm mỹ cao, phù hợp nội dung thuyết minh.                                                                                                                                                                         | 5           |                 |
| 3.2        | <i>Ý nghĩa kỹ thuật của sản phẩm, mô hình</i><br>Thể hiện các đặc tính kỹ thuật cao, có tính phức tạp về công nghệ, kỹ thuật.                                                                                                                                                                | 5           |                 |
| 3.3        | <i>Tính khoa học của bản thuyết minh</i><br>Thuyết minh rõ ràng, bộc lộ rõ đặc tính của mô hình, sản phẩm. Cách sử dụng, vận hành mô hình, sản phẩm.                                                                                                                                         | 5           |                 |
| <b>IV</b>  | <b>Ưu tiên đối với tác giả, nhóm tác giả là người dân tộc thiểu số, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn</b><br>Tác giả là người thiểu số, người khuyết tật, người có hoàn cảnh khó khăn; thể hiện nỗ lực cao nhất dự thi.                                                                   | <b>5</b>    |                 |
|            | <b>Tổng số</b>                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>100</b>  |                 |

Nhận xét, đánh giá của giám khảo: .....

.....

**Giám khảo ký tên**